TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7- 2022
V/v: Tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Báu và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2021 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Thiên Thị Q, sinh năm: 1991 (có mặt).

Trú tại: thôn Vụ Bổn, xã Phước Ninh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: anh Thiên Sanh T, sinh năm: 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Trú tại: thôn Vụ Bổn, xã Phước Ninh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-10-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thiên Thị Q trình bày:

Chị với anh Thiên Sanh T được hai bên gia đình mai mối nên tiến đến chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Ninh vào năm 2009. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, từ cuối năm 2018 cho đến nay vợ chồng tuy vẫn còn sống chung nhà nhưng không ngủ chung, không ai

quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về con chung: chị với anh Thiên Sanh T có 03 tên Thiên Thái Quỳnh N, sinh ngày 31/8/2010, Thiên Thái Như B, sinh ngày 28/3/2014 và Thiên Bảo K, sinh ngày 08/01/2016. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/03 con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị với anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Tại biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải bị đơn anh Thiên Sanh T trình bày:

Anh với chị Thiên Thị Q được hai bên gia đình mai mối nên tiến đến chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết tại UBND xã Phước N vào năm 2009. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị Q đi làm công ty nhưng anh không cho đi nên vợ chồng xảy ra cãi vã, từ đó cho đến nay vợ chồng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị Q nên anh yêu cầu Tòa án cho vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: anh với chị Thiên Thị Q 03 con chung tên Thiên Thái Quỳnh N, sinh ngày 31/8/2010, Thiên Thái Như B, sinh ngày 28/3/2014 và Thiên Bảo K, sinh ngày 08/01/2016. Hiên nay các con đang sống chung với anh và chị Q. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị Q ly hôn thì anh đồng ý giao các con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Q mỗi tháng 3.000.000 đồng/03 con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh với chị Thiên Thị Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thiên Thị Q:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thiên Thị Q được ly hôn anh Thiên Sanh T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Q và anh Trao về việc giao 03 con chung tên Thiên Thái Quỳnh N, sinh ngày 31/8/2010, Thiên Thái Như B, sinh ngày 28/3/2014 và Thiên Bảo K, sinh ngày 08/01/2016 cho chị Q trực tiếp chăm sốc, nuôi dưỡng. Công nhận sự thỏa thuận của chị Q và anh T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về án phí: chị Thiên Thị Q và anh Thiên Sanh Tráo phải chịu án phí theo quy định phạp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Chị Thiên Thị Q khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con khi ly hôn với anh Thiên Sanh T, đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Thiên Sanh T hiện đang cư trú tại thôn Vụ Bổn, xã Phước Ninh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

[2]. Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Thiên Sanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh T có đơn đề nghị xét xứ vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Căn cứ trích lục kết hôn số 485/2021/TLKH ngày 10/12/2021 và Bản sao giấy khai sinh số 149/2010; số 54/2014 và số 10 của của UBND xã Phước Ninh, huyện Thuận Nam, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của chị Thiên Thị Q và anh Thiên Sanh T là hôn nhân hợp pháp, thời điểm kết hôn năm 2009 có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2]. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì chị Q và anh T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị Q và anh T đều thừa nhận từ năm 2018 cho đến nay mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị Q cho rằng vợ chồng không còn tìm cảm nên yêu cầu được ly hôn, anh T cho vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, vẫn còn tình cảm với chị Q nên yêu cầu được đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Q với anh T tiến đến chung sống với nhau qua hai bên gia đình giới thiệu, không có tình cảm yêu đương nhau. Từ năm 2018 cho đến nay cả chị Q và anh T đều thừa nhận vợ chồng không ai quan tâm

đến ai, không ngủ cùng với nhau, điều này đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa anh T vắng mặt tại phiên tòa, điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q về việc được ly hôn anh T.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị Q thỏa thuận giao 03 con chung tên Thiên Thái Quỳnh N, sinh ngày 31/8/2010, Thiên Thái Như B, sinh ngày 28/3/2014 và Thiên Bảo K, sinh ngày 08/01/2016 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối ới yêu cầu ly hôn. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Thiên Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thiên Thị Q được ly hôn anh Thiên Sanh T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Thiên Thị Q và anh Thiên Sanh T. Chị Q và anh T thỏa thuận giao 03 con chung tên Thiên Thái Quỳnh N, sinh ngày 31/8/2010, Thiên Thái Như B, sinh ngày 28/3/2014 và Thiên Bảo K, sinh ngày 08/01/2016 cho chị Thiên Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của chị Thiên Thị Q với anh Thiên Sanh T về việc cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh Thiên Sanh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Thiên Thị Q mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng)/03 con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: chị Thiên Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Q đã nộp theo Biên lai thu số 0000283 ngày 21/12/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam. Anh Thiên Sanh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã Phước Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Khánh Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hùng **Thiên Anh Khoa** **Dương Khánh Hưng**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH PHƯỚC** **TỈNH NINH THUẬN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyên Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hàn nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vằng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Lyhôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-204 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẩn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.